

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 495/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 26/9/2018

V/v: Tranh chấp "xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đoàn Thanh Phong**

2. Ông **Nguyễn Trung Trực**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*  
Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2018 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Trần Thị Bé A, sinh năm 1991.** (có mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện X, Tiền Giang.

**2. Bị đơn: Lê Minh B, sinh năm 1991.** (vắng mặt)

Trú tại: ấp O, xã P, huyện X, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn Trần Thị Bé A trình bày:*

Chị và anh B tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có tổ chức cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107/2011 quyền số 01 ngày 15/10/2011. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 04/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị nhiều lần. Anh B cũng không chăm lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Từ đó vợ chồng chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh B đã ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn với anh B do tình cảm không còn.

Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên Lê Ngọc Trà C, sinh ngày 09/6/2011, hiện đang sống cùng chị A. Ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A khai có một số tài sản chung nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh B và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành. Chị A không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, vợ chồng chị không có nợ chung.

*\*Theo bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Lê Minh B trình bày:*

Anh B thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian, điều kiện kết hôn và có 01 con chung là đúng. Anh B cho rằng vợ chồng anh sống hạnh phúc nhưng cách đây 03 tháng anh phát hiện trong tin nhắn điện thoại của chị A có nội dung khiến anh nghi ngờ, ghen tuông và vì không kiềm chế được nên anh có tát chị A nhiều cái nhưng ngày hôm sau anh đã biết sai, năn nỉ chị A và sau đó vợ chồng anh vẫn chung sống hạnh phúc như bình thường. Hiện anh vẫn còn thương chị A nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh B khai không có.

Tại phiên tòa, anh B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai.

#### **\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Chị A và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân và có tổ chức cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107/2011 quyền số 01 ngày 15/10/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh B thường trú tại ấp O, xã P, huyện X, Tiền

Giang. Nay chị A xin ly hôn với anh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn Lê Minh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh B.

[3] **Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy:** Mâu thuẫn giữa chị A và anh B ban đầu không lớn nhưng anh chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị A cho rằng anh B thường xuyên ghen tuông vô cớ và nhiều lần đánh đập chị, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không sửa đổi dù chị đã nhiều lần khuyên bảo. Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2018, anh B cũng thừa nhận đã có hành vi ghen tuông và có lần vợ chồng cãi nhau do không kiềm chế nên có đánh chị A. Điều này thể hiện anh B đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Anh B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh vẫn còn thương chị A, không muốn ly hôn. Tuy nhiên anh, chị đã sống ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Tòa án đã tạo điều kiện về thời gian để anh chị hàn gắn tình cảm nhưng chị A vẫn kiên quyết ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với anh B đến dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị A. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh B và chị A đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, giữa anh chị cũng không còn sự tôn trọng nhau, điều này đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của của chị A phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, chị A được ly hôn với anh B.

[3] **Về con chung:** Chị A và anh B có 01 con chung tên Lê Ngọc Trà C, sinh ngày 09/6/2011. Chị A yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con. Xét thấy, cháu C hiện đang do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu C cũng có nguyện vọng được sống cùng chị A. Do đó, để đảm bảo cho cháu C có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt nên Hội đồng xét xử đồng ý giao cháu C cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[4] **Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:** Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ*

*cấp dưỡng nuôi con "* và tại khoản 1 Điều 116 quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*". Do anh B không trực tiếp nuôi con chung nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với mức cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu C còn nhỏ, nhu cầu thiết yếu chưa cao nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với thu nhập thực tế của anh B và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của cháu C, thời gian bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành.

[5] **Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A, anh B trình bày thống nhất vợ chồng anh, chị có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh B vắng mặt, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] **Về nợ chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A, anh B thống nhất trình bày vợ chồng anh, chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tại phiên tòa, anh B vắng mặt, chị A trình bày chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**\* Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Bé A.**

**1. Về hôn nhân:** Chị Trần Thị Bé A được ly hôn với anh Lê Minh B.

**2. Về con chung:** Chị Trần Thị Bé A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Trà C, sinh ngày 09/6/2011;

Anh Lê Minh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Ngọc Trà C, sinh ngày 09/6/2011 mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0014747 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy chị A đã nộp xong án phí.

+ Anh B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

**4.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng anh B được tính từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

**\* Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(*đã ký và đóng dấu*)

**Phạm Văn Tài**

